

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2024/CBTT-TTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

- Mã chứng khoán: VNG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 1900 55 88 55 Fax:
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công công bố thông tin về việc Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 (theo file đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2024 tại đường dẫn <https://ttchospitality.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHAN THỊ HỒNG VÂN

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán riêng | 5 - 7 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 8 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 9 - 10 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng | 11 - 48 |

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-------------------------|--------------------|-------------------------------------|
| Bà Phan Thị Hồng Vân | Chủ tịch | |
| Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT | miễn nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2023 |
| Bà Hồ Thị Phương Thảo | Thành viên | |
| Ông Vũ Viết Bản | Thành viên | |
| Bà Nguyễn Thùy Vân | Thành viên độc lập | |
| Ông Nguyễn Lê Hùng | Thành viên độc lập | bỏ nhiệm ngày 21 tháng 8 năm 2023 |

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Kiểm toán ("UBKT") trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-----------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thùy Vân | Chủ tịch |
| Ông Vũ Viết Bản | Thành viên |
| Bà Hồ Thị Phương Thảo | Thành viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|-----------------------|-----------------------------|------------------------------------|
| Bà Châu Thị Kim Phước | Tổng Giám đốc | bỏ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2023 |
| | Phó Tổng Giám đốc Điều hành | đến ngày 27 tháng 7 năm 2023 |
| Ông Đặng Đình Việt | Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phan Thị Hồng Vân.

Bà Châu Thị Kim Phước được Bà Phan Thị Hồng Vân ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định số 129/2023/QĐ-CTHĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11950306/E-66911957

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024



Trần Thanh Thúy
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3076-2024-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 442.241.132.659 | 458.860.518.872 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 60.076.807.586 | 17.851.129.504 |
| 111 | 1. Tiền | | 50.076.807.586 | 10.851.129.504 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 10.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 5 | 12.000.000.000 | - |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 12.000.000.000 | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 368.416.727.091 | 439.407.923.588 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 27.509.560.827 | 42.980.965.275 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7 | 61.800.461.972 | 91.342.635.049 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 8 | 110.047.500.000 | 112.357.500.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 9 | 170.221.713.143 | 195.201.478.632 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 6, 9 | (1.162.508.851) | (2.474.655.368) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 10 | 1.108.617.696 | 977.886.505 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 1.108.617.696 | 977.886.505 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 638.980.286 | 623.579.275 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 11 | 568.658.090 | 553.257.079 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 18 | 70.322.196 | 70.322.196 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------------------|
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 1.794.027.103.736 | 1.650.644.986.442 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 347.966.896.882 | 355.671.893.356 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 31 | - | 2.916.000.000 |
| 212 | 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 31 | - | 4.620.893.356 |
| 215 | 3. Phải thu về cho vay dài hạn | 8 | 289.709.706.846 | 348.100.000.000 |
| 216 | 4. Phải thu dài hạn khác | 9 | 58.257.190.036 | 35.000.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 128.529.834.852 | 125.847.154.608 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 12 | 99.525.258.589 | 98.044.739.456 |
| 222 | Nguyên giá | | 178.653.269.019 | 171.977.318.283 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (79.128.010.430) | (73.932.578.827) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 13 | 29.004.576.263 | 27.802.415.152 |
| 228 | Nguyên giá | | 43.313.735.812 | 40.916.735.812 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (14.309.159.549) | (13.114.320.660) |
| 240 | III. Tài sản dở dang dài hạn | | 5.048.592.285 | 1.859.836.725 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 14 | 5.048.592.285 | 1.859.836.725 |
| 250 | IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 15 | 1.307.633.674.290 | 1.161.581.038.788 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | 15.1 | 1.123.956.579.312 | 946.956.579.312 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên kết | 15.2 | 43.734.954.724 | 225.394.459.724 |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 15.3 | 154.756.045.000 | 1.206.295.000 |
| 254 | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 15.1, 15.2 | (14.813.904.746) | (11.976.295.248) |
| 260 | V. Tài sản dài hạn khác | | 4.848.105.427 | 5.685.062.965 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 11 | 3.893.818.361 | 5.126.302.379 |
| 262 | 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 30.3 | 954.287.066 | 558.760.586 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 2.236.268.236.395 | 2.109.505.505.314 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 1.022.143.517.183 | 913.778.868.176 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 331.191.564.716 | 301.623.751.017 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 16 | 24.843.953.342 | 33.938.054.954 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 17 | 44.842.974.571 | 64.431.468.871 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 18 | 17.462.993.065 | 11.250.811.376 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 4.362.199.061 | 296.517.958 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 19 | 25.323.759.188 | 9.346.812.778 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 20 | 15.148.275.378 | 263.702.053 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 21 | 27.627.603.392 | 27.231.548.001 |
| 320 | 8. Vay ngắn hạn | 22 | 171.466.382.410 | 154.596.056.588 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3.14 | 113.424.309 | 268.778.438 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 690.951.952.467 | 612.155.117.159 |
| 336 | 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | | - | 80.764.309 |
| 337 | 2. Phải trả dài hạn khác | 21 | 60.352.404.716 | 60.852.404.716 |
| 338 | 3. Vay dài hạn | 22 | 630.599.547.751 | 551.221.948.134 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.214.124.719.212 | 1.195.726.637.138 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 23.1 | 1.214.124.719.212 | 1.195.726.637.138 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 972.766.080.000 | 972.766.080.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 972.766.080.000 | 972.766.080.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 106.459.866.414 | 106.459.866.414 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 6.719.655.738 | 6.719.655.738 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 128.179.117.060 | 109.781.034.986 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 109.781.034.986 | 98.998.503.791 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm | | 18.398.082.074 | 10.782.531.195 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 2.236.268.236.395 | 2.109.505.505.314 |

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng

Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.1 | 351.954.415.056 | 353.669.171.370 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 24.1 | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24.1 | 351.954.415.056 | 353.669.171.370 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 25 | (244.724.604.755) | (280.421.146.741) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 107.229.810.301 | 73.248.024.629 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 24.2 | 86.728.252.102 | 81.429.723.412 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 26 | (116.575.399.804) | (86.222.707.130) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (104.578.530.783) | (76.775.223.685) |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 27 | (9.965.441.104) | (16.036.078.628) |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 27 | (45.133.418.917) | (38.152.839.569) |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 22.283.802.578 | 14.266.122.714 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 28 | 1.458.359.335 | 991.638.012 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 28 | (341.996.739) | (1.631.894.136) |
| 40 | 13. Lợi nhuận (lỗ) khác | 28 | 1.116.362.596 | (640.256.124) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 23.400.165.174 | 13.625.866.590 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 30.1 | (5.397.609.580) | (3.402.095.981) |
| 52 | 16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 30.3 | 395.526.480 | 558.760.586 |
| 60 | 17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN | | 18.398.082.074 | 10.782.531.195 |

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng



Châu Thị Kim Phức
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|---|-------------|-------------------------|--------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 23.400.165.174 | 13.625.866.590 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 12, 13 | 6.432.274.187 | 6.013.269.744 |
| 03 | Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng | | 1.525.462.981 | (1.689.771.392) |
| 04 | (Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (2.573.070) | 2.201.612 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (86.718.634.611) | (79.996.615.530) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 26 | 104.578.530.783 | 76.775.223.685 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 49.215.225.444 | 14.730.174.709 |
| 09 | Giảm (tăng) các khoản phải thu | | 26.628.913.644 | (38.288.838.698) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (130.731.191) | (187.230.915) |
| 11 | (Giảm) tăng các khoản phải trả | | (8.584.137.933) | 43.311.129.137 |
| 12 | Giảm chi phí trả trước | | 1.217.083.007 | 4.982.517.120 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (85.718.206.730) | (73.940.149.565) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 18 | (3.401.718.003) | - |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (155.354.129) | (206.748.284) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh | | (20.928.925.891) | (49.599.146.496) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") | | (12.390.416.156) | (6.386.054.567) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý TSCĐ | | - | 2.374.727.273 |
| 23 | Tiền chi cho vay | | (204.065.000.000) | (600.087.500.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 252.765.293.154 | 217.000.000.000 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (282.646.705.000) | (200.000.000) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 133.756.460.000 | 50.400.000.000 |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 79.484.473.466 | 50.779.010.733 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (33.095.894.536) | (286.119.816.561) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|--|-------------|-----------------------|------------------------|
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 22 | 470.666.166.481 | 844.701.032.083 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | 22 | (374.418.241.042) | (495.466.616.792) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 96.247.925.439 | 349.234.415.291 |
| 50 | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm | | 42.223.105.012 | 13.515.452.234 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 17.851.129.504 | 4.337.878.882 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 2.573.070 | (2.201.612) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 4 | 60.076.807.586 | 17.851.129.504 |

Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng



Châu Thị Kim Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; buôn bán thực phẩm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 7 chi nhánh đang hoạt động như sau:

| STT | Tên chi nhánh | Địa chỉ |
|-----|--|---|
| 1 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Cần Thơ – Khách sạn TTC | Số 2, Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam |
| 2 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Lâm Đồng | Số 4, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam |
| 3 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công – Trung tâm lưu hành | Số 315, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| 4 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bến Tre – Trung tâm lưu hành | Số 500A4, Đại lộ Đồng Khởi, Phường Phú Khương, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam |
| 5 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bình Thuận – Trung tâm lưu hành | Số 01, Từ Văn Tư, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam |
| 6 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Tiền Giang – Trung tâm lưu hành | Số 08, Đường 30/4, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam |
| 7 | Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam | Số 87, Cửa Đại, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam |

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 216 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 178 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| Quyền sử dụng đất | 39 năm |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 8 - 50 năm |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 20 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 10 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 năm |
| Phương tiện vận tải | 8 - 10 năm |
| Tài sản khác | 6 - 25 năm |

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí hợp tác kinh doanh;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty bằng VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | VND | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền mặt | 131.030.419 | 360.684.670 |
| Tiền gửi ngân hàng | 49.757.542.580 | 10.355.205.421 |
| Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*) | 10.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| Tiền đang chuyển | 188.234.587 | 135.239.413 |
| TỔNG CỘNG | 60.076.807.586 | 17.851.129.504 |

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3% đến 4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ các khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam có kỳ hạn sáu (6) tháng và hưởng lãi suất áp dụng 4,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải thu từ khách hàng | 5.527.120.170 | 9.560.952.370 |
| <i>Tổng Công ty Bến Thành - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên</i> | 1.169.175.372 | - |
| <i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i> | 4.357.944.798 | 9.560.952.370 |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31) | 21.982.440.657 | 33.420.012.905 |
| TỔNG CỘNG | 27.509.560.827 | 42.980.965.275 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (1.124.148.851) | (2.436.295.368) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 26.385.411.976 | 40.544.669.907 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

| | VND | |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 2.436.295.368 | 3.590.502.326 |
| Dự phòng trích lập trong năm | 134.534.362 | - |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | <u>(1.446.680.879)</u> | <u>(1.154.206.958)</u> |
| Số cuối năm | <u>1.124.148.851</u> | <u>2.436.295.368</u> |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Trả trước cho các bên khác | 12.189.983.492 | 73.427.858.933 |
| <i>Công ty Cổ phần Thành Thành Nam</i> | <i>11.000.000.000</i> | <i>-</i> |
| <i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i> | <i>1.189.983.492</i> | <i>73.427.858.933</i> |
| Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31) | <u>49.610.478.480</u> | <u>17.914.776.116</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>61.800.461.972</u> | <u>91.342.635.049</u> |

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

| | VND | |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 110.047.500.000 | 112.357.500.000 |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 31) | 93.547.500.000 | 88.857.500.000 |
| Các bên khác (*) | 16.500.000.000 | 23.500.000.000 |
| Dài hạn | 289.709.706.846 | 348.100.000.000 |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 31) | <u>289.709.706.846</u> | <u>348.100.000.000</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>399.757.206.846</u> | <u>460.457.500.000</u> |

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp ngắn hạn và không có tài sản đảm bảo được trình bày như sau:

| Bên đi vay | Số cuối năm | Ngày đáo hạn | Lãi suất |
|------------------|-----------------------|---|----------|
| | VND | | %/năm |
| Bà Triệu Phi Yến | <u>16.500.000.000</u> | Từ ngày 6 tháng 5 năm 2024 đến ngày 8 tháng 5 năm 2024 | 10,6 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 170.221.713.143 | 195.201.478.632 |
| Ký quỹ | 58.343.821.600 | 58.564.143.200 |
| Lãi tiền gửi và lãi cho vay phải thu | 20.600.907.157 | 28.085.104.645 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 43.082.257.184 | 37.249.134.337 |
| Chi hộ | 26.764.465.406 | 46.457.934.055 |
| Doanh thu theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (*) | 9.952.554.519 | 5.523.923.534 |
| Cổ tức phải thu | 5.600.000.000 | 13.100.000.000 |
| Khác | 5.877.707.277 | 6.221.238.861 |
| Dài hạn | 58.257.190.036 | 35.000.000 |
| Góp vốn Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (*) | 34.750.000.000 | - |
| Tiền lãi cho vay phải thu | 23.472.190.036 | - |
| Đặt cọc | 35.000.000 | 35.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 228.478.903.179 | 195.236.478.632 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi | (38.360.000) | (38.360.000) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 228.440.543.179 | 195.198.118.632 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải thu các bên khác</i> | <i>79.123.851.341</i> | <i>125.683.947.756</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i> | <i>91.094.501.802</i> | <i>69.514.170.876</i> |
| <i>Phải thu dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i> | <i>58.222.190.036</i> | <i>-</i> |

(*) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-ĐT ký ngày 12 tháng 12 năm 2019 và theo phụ lục Số 1003/2023 ký ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận để hoàn thiện việc xây dựng Khu nghỉ dưỡng TTC Resort Ninh Thuận. Theo đó, Công ty góp 34.750.000.000 VND và sẽ được hưởng 40% tổng doanh thu hàng tháng của Khu nghỉ dưỡng TTC Resort Ninh Thuận.

10. HÀNG TỒN KHO

| | VND | |
|------------------|----------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Nguyên vật liệu | 831.267.705 | 699.111.495 |
| Hàng hóa | 147.556.419 | 120.830.704 |
| Công cụ, dụng cụ | 129.793.572 | 157.944.306 |
| TỔNG CỘNG | 1.108.617.696 | 977.886.505 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | VND | |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 568.658.090 | 553.257.079 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 113.907.942 | 108.442.763 |
| Chi phí bảo hiểm | 95.652.705 | 118.486.659 |
| Khác | 359.097.443 | 326.327.657 |
| Dài hạn | 3.893.818.361 | 5.126.302.379 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 2.481.132.140 | 2.203.997.856 |
| Chi phí sửa chữa | 1.069.237.184 | 859.897.491 |
| Chi phí hợp tác kinh doanh | - | 2.000.000.000 |
| Khác | 343.449.037 | 62.407.032 |
| TỔNG CỘNG | 4.462.476.451 | 5.679.559.458 |

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Khác | Tổng cộng |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|---------------|-----------------|
| Nguyên giá: | | | | | | |
| Số đầu năm | 145.364.606.625 | 13.820.119.604 | 6.857.221.155 | 2.107.703.487 | 3.827.667.412 | 171.977.318.283 |
| Mua mới | 4.737.508.960 | 2.018.683.636 | - | 48.468.000 | - | 6.804.660.596 |
| Xóa sổ | - | - | (128.709.860) | - | - | (128.709.860) |
| Số cuối năm | 150.102.115.585 | 15.838.803.240 | 6.728.511.295 | 2.156.171.487 | 3.827.667.412 | 178.653.269.019 |
| Trong đó: | | | | | | |
| Đã khấu hao hết | 2.223.548.547 | 2.963.731.602 | 711.409.091 | 1.567.022.487 | - | 7.465.711.727 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | | | |
| Số đầu năm | 56.568.565.052 | 8.916.851.116 | 4.143.119.199 | 1.754.380.029 | 2.549.663.431 | 73.932.578.827 |
| Khấu hao trong năm | 3.427.073.524 | 934.832.421 | 517.948.393 | 109.224.304 | 248.356.656 | 5.237.435.298 |
| Xóa sổ | - | - | (42.003.695) | - | - | (42.003.695) |
| Số cuối năm | 59.995.638.576 | 9.851.683.537 | 4.619.063.897 | 1.863.604.333 | 2.798.020.087 | 79.128.010.430 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Số đầu năm | 88.796.041.573 | 4.903.268.488 | 2.714.101.956 | 353.323.458 | 1.278.003.981 | 98.044.739.456 |
| Số cuối năm | 90.106.477.009 | 5.987.119.703 | 2.109.447.398 | 292.567.154 | 1.029.647.325 | 99.525.258.589 |

Trong đó:

Tài sản thế chấp cho các
khoản vay
(Thuyết minh số 22)

- - 1.588.879.440 - - 1.588.879.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | VND | | | |
|--|-----------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Khác | Tổng cộng |
| Nguyên giá: | | | | |
| Số đầu năm | 38.892.426.817 | 1.276.000.000 | 748.308.995 | 40.916.735.812 |
| Mua mới | - | 2.397.000.000 | - | 2.397.000.000 |
| Số cuối năm | <u>38.892.426.817</u> | <u>3.673.000.000</u> | <u>748.308.995</u> | <u>43.313.735.812</u> |
| Trong đó: | | | | |
| Đã hao mòn hết | - | 581.006.268 | - | 581.006.268 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Số đầu năm | 11.942.947.859 | 691.735.177 | 479.637.624 | 13.114.320.660 |
| Hao mòn trong năm | 995.057.676 | 164.172.661 | 35.608.552 | 1.194.838.889 |
| Số cuối năm | <u>12.938.005.535</u> | <u>855.907.838</u> | <u>515.246.176</u> | <u>14.309.159.549</u> |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Số đầu năm | <u>26.949.478.958</u> | <u>584.264.823</u> | <u>268.671.371</u> | <u>27.802.415.152</u> |
| Số cuối năm | <u>25.954.421.282</u> | <u>2.817.092.162</u> | <u>233.062.819</u> | <u>29.004.576.263</u> |
| Trong đó: | | | | |
| Tài sản thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 22) | 25.954.421.282 | - | - | 25.954.421.282 |

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | VND | |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Chi phí phần mềm Oracle | 3.119.850.000 | - |
| Dự án Khu vui chơi Phú Quốc | 1.470.947.836 | 1.470.947.836 |
| Dự án Khu phức hợp TTC Gia Lai | 388.888.889 | 388.888.889 |
| Khác | 68.905.560 | - |
| TỔNG CỘNG | <u>5.048.592.285</u> | <u>1.859.836.725</u> |

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | VND | |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1) | 1.123.956.579.312 | 946.956.579.312 |
| Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2) | 43.734.954.724 | 225.394.459.724 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.3) | 154.756.045.000 | 1.206.295.000 |
| TỔNG CỘNG | <u>1.322.447.579.036</u> | <u>1.173.557.334.036</u> |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (14.813.904.746) | (11.976.295.248) |
| GIÁ TRỊ THUẬN | <u>1.307.633.674.290</u> | <u>1.161.581.038.788</u> |

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

| Tên công ty con | Tình trạng hoạt động | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|----------------------|--|--------------------------|----------------------|----------|------------------------|----------|----------|
| | | | Giá gốc đầu tư (VND) | Dự phòng | % sở hữu | Giá gốc đầu tư (VND) | Dự phòng | % sở hữu |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (*) | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và vui chơi giải trí | 619.218.911.050 | - | 100 | 442.218.911.050 | - | 100 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 483.295.516.000 | - | 100 | 483.295.516.000 | - | 100 |
| Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 13.081.152.262 | - | 100 | 13.081.152.262 | - | 100 |
| Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC | Đang hoạt động | Dịch vụ lữ hành | 5.000.000.000 | - | 100 | 5.000.000.000 | - | 100 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC Huế | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 2.361.000.000 | - | 100 | 2.361.000.000 | - | 100 |
| Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan | Đang hoạt động | Dịch vụ chăm sóc sức khỏe | 1.000.000.000 | (841.695.030) | 100 | 1.000.000.000 | - | 100 |
| TỔNG CỘNG | | | 1.123.956.579.312 | (841.695.030) | | 946.956.579.312 | - | |

(*) Vào ngày 4 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng với tổng giá trị là 177.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 45/2023/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 12 năm 2023.

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

| Tên công ty liên kết | Tình trạng hoạt động | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|----------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|----------|-------------------------|-------------------------|----------|
| | | | Giá gốc đầu tư (VND) | Dự phòng | % sở hữu | Giá gốc đầu tư (VND) | Dự phòng | % sở hữu |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 24.772.623.054 | (13.972.209.716) | 49,00 | 24.772.623.054 | (11.976.295.248) | 49,00 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Đang hoạt động | Dịch vụ nhà hàng | 18.962.331.670 | - | 20,75 | 18.962.331.670 | - | 20,75 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận (i) | Đang hoạt động | Năng lượng mặt trời | - | - | - | 110.998.205.000 | - | 20,75 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Nam (ii) | Đang hoạt động | Bất động sản | - | - | - | 70.661.300.000 | - | 42,17 |
| GIÁ TRỊ THUẬN | | | 43.734.954.724 | (13.972.209.716) | | 225.394.459.724 | (11.976.295.248) | |

(i) Vào ngày 30 tháng 8 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Năng lượng Sạch cho Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, một công ty con của Công ty, với tổng giá phí chuyển nhượng là 110.998.205.000 VND. Giao dịch chuyển nhượng này không phát sinh lãi lỗ. Theo đó, Công ty Năng lượng Sạch không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

(ii) Vào ngày 17 tháng 8 năm 2023, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Thành Thành Nam cho Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, một công ty con của Công ty, với tổng giá phí chuyển nhượng là 70.661.300.000 VND. Giao dịch chuyển nhượng này không phát sinh lãi lỗ. Theo đó, Công ty Thành Thành Nam không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư dài hạn khác

| Tên công ty | Tình trạng hoạt động | Lĩnh vực kinh doanh | Số cuối năm | | Số đầu năm | | % sở hữu |
|---|----------------------|-----------------------------|------------------------|----------|----------------------|----------|----------|
| | | | Giá gốc đầu tư (VND) | Dự phòng | Giá gốc đầu tư (VND) | Dự phòng | |
| Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh | Đang hoạt động | Năng lượng mặt trời | 105.646.705.000 | - | - | - | 4.04 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận | Đang hoạt động | Năng lượng mặt trời | 47.903.045.000 | - | - | - | 19.18 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 1.206.295.000 | - | 1.206.295.000 | - | 1.17 |
| GIÁ TRỊ THUẬN | | | 154.756.045.000 | - | 1.206.295.000 | - | |

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | VND | |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả cho người bán | 17.355.693.045 | 13.627.358.075 |
| <i>Công ty TNHH P.N.R</i> | 1.961.510.888 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Á Rồng</i> | 1.299.950.000 | - |
| <i>Khác</i> | 14.094.232.157 | 13.627.358.075 |
| Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>) | 7.488.260.297 | 20.310.696.879 |
| TỔNG CỘNG | <u>24.843.953.342</u> | <u>33.938.054.954</u> |

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>) | 41.674.283.523 | 44.707.321.569 |
| Các bên khác | 3.168.691.048 | 19.724.147.302 |
| TỔNG CỘNG | <u>44.842.974.571</u> | <u>64.431.468.871</u> |

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | VND | | | |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| | Số đầu năm | Tăng trong năm | Giảm trong năm | Số cuối năm |
| Phải trả | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 7.423.146.134 | 35.406.226.848 | (34.430.087.108) | 8.399.285.874 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.395.169.855 | 5.397.609.580 | (3.401.718.003) | 5.391.061.432 |
| Thuế tài sản và thuế nhà đất | - | 7.941.076.982 | (5.292.922.489) | 2.648.154.493 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 385.284.894 | 3.803.244.993 | (3.206.003.752) | 982.526.135 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 17.067.272 | 182.888.256 | (182.637.077) | 17.318.451 |
| Thuế khác | 30.143.221 | 389.679.598 | (395.176.139) | 24.646.680 |
| TỔNG CỘNG | <u>11.250.811.376</u> | <u>53.120.726.257</u> | <u>(46.908.544.568)</u> | <u>17.462.993.065</u> |
| Phải thu | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 70.322.196 | 13.503.062.548 | (13.503.062.548) | 70.322.196 |
| TỔNG CỘNG | <u>70.322.196</u> | <u>13.503.062.548</u> | <u>(13.503.062.548)</u> | <u>70.322.196</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | VND | |
|--|-----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Chi phí lãi vay | 22.768.477.224 | 3.887.941.993 |
| Phí dịch vụ chuyên nghiệp | 1.650.407.604 | 450.856.163 |
| Thù lao HĐQT, lương tháng 13 và thưởng | 640.000.000 | 1.469.605.845 |
| Chi phí thuê đất | - | 3.426.318.939 |
| Khác | 264.874.360 | 112.089.838 |
| TỔNG CỘNG | 25.323.759.188 | 9.346.812.778 |

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

| | VND | |
|-------------------------------------|-----------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý | 10.128.422.468 | - |
| Doanh thu từ thuê phòng khách sạn | 5.019.852.910 | 263.702.053 |
| TỔNG CỘNG | 15.148.275.378 | 263.702.053 |

21. PHẢI TRẢ KHÁC

| | VND | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 27.627.603.392 | 27.231.548.001 |
| Lãi vay phải trả | 20.833.988.089 | 12.958.847.939 |
| Chi hộ | 1.618.890.301 | 2.863.272.244 |
| Nhận ký quỹ | 1.400.000.000 | 4.920.000.000 |
| Bảo hiểm xã hội | 630.109.172 | 33.195.245 |
| Kinh phí công đoàn | 501.224.190 | 515.829.812 |
| Cổ tức phải trả | 238.998.150 | 238.998.150 |
| Khác | 2.404.393.490 | 5.701.404.611 |
| Dài hạn | 60.352.404.716 | 60.852.404.716 |
| Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác (*) | 46.350.000.000 | 46.350.000.000 |
| Nhận bàn giao tài sản | 11.919.404.716 | 11.919.404.716 |
| Nhận ký quỹ | 2.083.000.000 | 2.583.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 87.980.008.108 | 88.083.952.717 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i> | 15.557.015.133 | 8.627.152.407 |
| <i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i> | 58.269.404.716 | 11.919.404.716 |
| <i>Các bên khác</i> | 14.153.588.259 | 67.537.395.594 |

(*) Đây là khoản góp vốn nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình theo Thỏa thuận Hợp tác Góp vốn Đầu tư Số 261/2022/HĐHTKD/TTC-TB ký ngày 1 tháng 12 năm 2022 để đầu tư và phát triển kinh doanh dự án Khách sạn TTC Cần Thơ và TTC Đà Lạt. Theo đó, các bên được chia sẻ lợi nhuận theo từng kỳ phân chia, dựa theo hiệu quả hoạt động kinh doanh và thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

| | Số đầu năm | Vay | Trả nợ vay | Phân loại lại | Số cuối năm |
|--|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | | | | | VND |
| Ngắn hạn | 154.596.056.588 | 347.502.374.376 | (337.191.522.855) | 6.559.474.301 | 171.466.382.410 |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1) | 138.612.579.951 | 312.631.244.209 | (287.836.916.051) | - | 163.406.908.109 |
| Vay bên liên quan | - | 20.400.000.000 | (20.400.000.000) | - | - |
| Vay bên khác (Thuyết minh số 22.2) | 7.078.104.808 | 14.471.130.167 | (20.049.234.975) | - | 1.500.000.000 |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3) | 8.905.371.829 | - | (8.905.371.829) | 6.559.474.301 | 6.559.474.301 |
| Dài hạn | 551.221.948.134 | 123.163.792.105 | (37.226.718.187) | (6.559.474.301) | 630.599.547.751 |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.3) | 9.419.423.818 | 5.405.657.181 | (444.209.993) | (6.559.474.301) | 7.821.396.705 |
| Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 31) | - | 37.440.000.000 | - | - | 37.440.000.000 |
| Trái phiếu (Thuyết minh số 22.4) | 494.759.703.194 | 9.351.894.969 | (6.975.000.000) | - | 497.136.598.163 |
| Vay các bên khác (Thuyết minh số 22.5) | - | 43.178.104.808 | - | - | 43.178.104.808 |
| Vay các cán bộ công nhân viên (Thuyết minh số 22.6) | 47.042.821.122 | 27.788.135.147 | (29.807.508.194) | - | 45.023.448.075 |
| TỔNG CỘNG | 705.818.004.722 | 470.666.166.481 | (374.418.241.042) | - | 802.065.930.161 |

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

| Ngân hàng | Số cuối năm | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất (%/năm) | Mục đích | Hình thức đảm bảo |
|--|------------------------|---|---------------------|-------------------------|--|
| | | | | | (Thuyết minh số 4 và 12) |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk | | | | | |
| Khoản vay 1 | 89.780.535.494 | Từ ngày 14 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2024 | Từ 5,8 đến 9,3 | Tài trợ vốn lưu động | Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân và 3 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI") thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc; 4.500.000 cổ phiếu TTCI thuộc sở hữu của Ông Đặng Hồng Anh |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh | | | | | |
| Khoản vay 1 | 39.991.765.210 | Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024 đến ngày 26 tháng 6 năm 2024 | 7,5 | Tài trợ vốn lưu động | Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định | | | | | |
| Khoản vay 1 | 33.634.607.405 | Từ ngày 8 tháng 1 năm 2024 đến ngày 11 tháng 6 năm 2024 | Từ 7,5 đến 8,1 | Tài trợ vốn lưu động | Phương tiện vận tải của Công ty, DL TTC và Công ty Núi Tà Cú, các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty; 2.700.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hoà phát hành thuộc sở hữu của TTCI |
| TỔNG CỘNG | 163.406.908.109 | | | | |

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay ngắn hạn từ bên khác

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ các bên khác như sau:

| Bên cho vay | Số cuối năm VND | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất %/năm | Mục đích | Hình thức đảm bảo |
|--|--------------------|--------------------------|-------------------|----------------------|-------------------|
| Bà Nguyễn Thị Tích Hương Khoản vay 1 | 1.500.000.000 | Ngày 30 tháng 8 năm 2024 | 12,11 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |

22.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| Ngân hàng | Số cuối năm VND | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất %/năm | Mục đích | Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 12) |
|--|--------------------|---|--------------------|---|--|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk Khoản vay 1 | 14.380.871.006 | Ngày 22 tháng 4 năm 2024 đến ngày 23 tháng 12 năm 2028 | Từ 8,6 đến 12,9 | Sửa chữa khách sạn Cần Thơ, nhà hàng nường | VND |

Trong đó:

| | |
|-------------------------|---------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả | 6.559.474.301 |
| Vay dài hạn | 7.821.396.705 |

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.4 Trái phiếu doanh nghiệp

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá như sau:

| Tổ chức sắp xếp phát hành | Số cuối năm | Kỳ hạn trả gốc | Mục đích phát hành | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|--|-----------------|-------------------------|---|------------------|---|
| | VND | | | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam | | | | | |
| Mệnh giá trái phiếu | 500.000.000.000 | Ngày 4 tháng 1 năm 2025 | Trả nợ vay, cấp khoản vay cho công ty con, công ty liên kết | Từ 9,5 đến 15,78 | Bất động sản và đồng sản, quyền tài sản và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty, Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC"), phần vốn góp tại DL TTC, Quyền tài sản Trung lượng tinh yêu |
| Chi phí phát hành trái phiếu | (2.863.401.837) | | | | |

TỔNG CỘNG

497.136.598.163

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả

497.136.598.163

Trái phiếu dài hạn

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.5 Vay dài hạn các bên khác

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ các bên khác như sau:

| Bên cho vay | Số cuối năm | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất | Mục đích | Hình thức đảm bảo |
|---|-----------------------|---|-----------------|----------------------|-------------------|
| | VND | | %/năm | | |
| Bà Nguyễn Thị Tích Hương | | | | | |
| Khoản vay 1 | 21.100.000.000 | Ngày 1 tháng 1 năm 2025 | 12,11 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín | | | | | |
| Khoản vay 1 | 12.078.104.808 | Từ ngày 28 tháng 3 năm 2025 đến ngày 24 tháng 4 năm 2025 | Từ 9,5 đến 10,0 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| Công ty Cổ phần Sản xuất Thực phẩm Bình Phước | | | | | |
| Khoản vay 1 | 10.000.000.000 | Ngày 20 tháng 3 năm 2025 | 11,0 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| TỔNG CỘNG | 43.178.104.808 | | | | |

22.6 Vay dài hạn các cán bộ công nhân viên

Đây là các khoản vay của các cán bộ công nhân viên trong Công ty để tài trợ vốn lưu động trong năm, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2025, chịu lãi suất từ 10% đến 12%/năm và không có tài sản đảm bảo (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10,75% đến 12%/năm).

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|---------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Số đầu năm | 972.766.080.000 | 106.459.866.414 | 6.719.655.738 | 98.998.503.791 | 1.184.944.105.943 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 10.782.531.195 | 10.782.531.195 |
| Số cuối năm | <u>972.766.080.000</u> | <u>106.459.866.414</u> | <u>6.719.655.738</u> | <u>109.781.034.986</u> | <u>1.195.726.637.138</u> |
| Năm nay | | | | | |
| Số đầu năm | 972.766.080.000 | 106.459.866.414 | 6.719.655.738 | 109.781.034.986 | 1.195.726.637.138 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 18.398.082.074 | 18.398.082.074 |
| Số cuối năm | <u>972.766.080.000</u> | <u>106.459.866.414</u> | <u>6.719.655.738</u> | <u>128.179.117.060</u> | <u>1.214.124.719.212</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn cổ phân đã phát hành | | |
| Số đầu năm và số cuối năm | <u>972.766.080.000</u> | <u>972.766.080.000</u> |

23.3 Cổ phiếu

| | Số lượng cổ phiếu | |
|---|---------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm (cổ phiếu) | Số đầu năm (cổ phiếu) |
| Cổ phiếu được phép phát hành | 97.276.608 | 97.276.608 |
| Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 97.276.608 97.276.608 | 97.276.608 97.276.608 |
| Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 97.276.608 97.276.608 | 97.276.608 97.276.608 |

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu | 351.954.415.056 | 353.669.171.370 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu về cung cấp dịch vụ</i> | 320.715.494.929 | 324.077.161.086 |
| <i>Doanh thu về bán hàng</i> | 31.206.542.854 | 29.584.383.829 |
| <i>Doanh thu khác</i> | 32.377.273 | 7.626.455 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | 351.954.415.056 | 353.669.171.370 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</i> | 320.715.494.929 | 324.077.161.086 |
| <i>Doanh thu thuần về bán hàng</i> | 31.206.542.854 | 29.584.383.829 |
| <i>Doanh thu khác</i> | 32.377.273 | 7.626.455 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu thuần đối với các bên khác</i> | 228.587.849.410 | 225.389.239.122 |
| <i>Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i> | 123.366.565.646 | 128.279.932.248 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | VND | |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 68.318.634.611 | 44.379.182.755 |
| Cổ tức được chia | 18.400.000.000 | 8.600.000.000 |
| Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư | - | 28.445.970.000 |
| Khác | 9.617.491 | 4.570.657 |
| TỔNG CỘNG | <u>86.728.252.102</u> | <u>81.429.723.412</u> |

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | VND | |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 213.503.733.091 | 250.893.506.735 |
| Giá vốn hàng bán | 31.220.871.664 | 29.527.640.006 |
| TỔNG CỘNG | <u>244.724.604.755</u> | <u>280.421.146.741</u> |

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | VND | |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 104.578.530.783 | 76.775.223.685 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 9.153.538.807 | 9.083.059.357 |
| Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 2.837.609.498 | (29.786.485) |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 2.376.113 | 450.137 |
| Chi phí khác | 3.344.603 | 393.760.436 |
| TỔNG CỘNG | <u>116.575.399.804</u> | <u>86.222.707.130</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí bán hàng | 9.965.441.104 | 16.036.078.628 |
| Chi phí nhân viên | 4.520.107.179 | 8.852.151.778 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.399.076.877 | 4.502.645.208 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 62.937.332 | 26.808.783 |
| Chi phí khác | 3.983.319.716 | 2.654.472.859 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 45.133.418.917 | 38.152.839.569 |
| Chi phí nhân viên | 32.987.230.369 | 27.405.716.153 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.685.098.346 | 6.412.262.768 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 1.313.206.336 | 1.257.759.409 |
| Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) | 134.534.362 | (1.189.169.947) |
| Chi phí khác | 4.013.349.504 | 4.266.271.186 |
| TỔNG CỘNG | 55.098.860.021 | 54.188.918.197 |

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | VND | |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thu nhập khác | 1.458.359.335 | 991.638.012 |
| Thu tiền bồi thường | 500.000.000 | - |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản | 31.377.200 | 121.562.036 |
| Thu nhập khác | 926.982.135 | 870.075.976 |
| Chi phí khác | 341.996.739 | 1.631.894.136 |
| Chi phí thanh lý tài sản | 100.296.692 | 1.435.164.644 |
| Tiền phạt | 72.633.597 | 70.501.616 |
| Chi phí khác | 169.066.450 | 126.227.876 |
| LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN | 1.116.362.596 | (640.256.124) |

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 196.472.443.779 | 215.043.973.926 |
| Chi phí nhân viên | 49.678.496.640 | 47.299.976.306 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 42.385.784.990 | 49.975.308.153 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13) | 6.432.274.187 | 6.013.269.744 |
| Chi phí khác | 4.854.465.180 | 16.221.667.689 |
| TỔNG CỘNG | 299.823.464.776 | 334.554.195.818 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

| | Năm nay | VND Năm trước |
|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 5.397.609.580 | 3.402.095.981 |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | <u>(395.526.480)</u> | <u>(558.760.586)</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>5.002.083.100</u> | <u>2.843.335.395</u> |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | Năm nay | VND Năm trước |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | <u>23.400.165.174</u> | <u>13.625.866.590</u> |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 4.680.033.035 | 2.725.173.318 |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i> | | |
| Chi phí không được trừ | 249.446.314 | 3.445.617.155 |
| Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại | 399.182.893 | 438.409.827 |
| Cổ tức được chia | (3.680.000.000) | (1.720.000.000) |
| Lỗi chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại | <u>3.353.420.858</u> | <u>(2.045.864.905)</u> |
| Chi phí thuế TNDN | <u>5.002.083.100</u> | <u>2.843.335.395</u> |

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

| | VND | | | |
|--|-----------------------------------|--------------------|---|--------------------|
| | <i>Bảng cân đối kế toán riêng</i> | | <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i> | |
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Chi phí trích trước | 954.287.066 | 558.760.586 | 395.526.480 | 558.760.586 |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 954.287.066 | 558.760.586 | | |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng | | | 395.526.480 | 558.760.586 |

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau :

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> |
|--|--|
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Công ty con |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình | Công ty con |
| Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt | Công ty con |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan | Công ty con |
| Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan | Công ty con |
| Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC | Công ty con |
| Công ty TNHH Du lịch TTC Huế | Công ty con |
| Công ty TNHH BVB Bình Thuận | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Chung thành viên quản lý |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân | Cùng cổ đông lớn |
| Bà Phan Thị Hồng Vân | Chủ tịch HĐQT |
| Bà Châu Thị Kim Phước | Tổng Giám đốc từ ngày 28 tháng 7 năm 2023 |
| Ông Đặng Đình Việt | Tổng Giám đốc đến ngày 6 tháng 2 năm 2023 |
| Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT đến ngày 21 tháng 8 năm 2023 |
| Bà Hồ Thị Phương Thảo | Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT |
| Ông Vũ Viết Bản | Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT |
| Bà Nguyễn Thùy Vân | Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT |
| Ông Nguyễn Lê Hùng | Thành viên HĐQT |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | VND |
|--|------------------------------|----------------|----------------|
| | | | Năm trước |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Mua dịch vụ | 36.449.446.617 | - |
| | Dịch vụ tư vấn | 21.727.272.727 | 16.000.000.000 |
| | Cổ tức được chia | 18.400.000.000 | 3.000.000.000 |
| | Phí lưu trú | 11.620.592.431 | 37.297.682.470 |
| | Lãi cho vay | 6.515.684.470 | 3.436.213.695 |
| | Dịch vụ khác | 3.342.741.237 | 487.345.780 |
| | Bán hàng hóa | 1.771.557.566 | 1.207.186.893 |
| | Dịch vụ lưu trú | 111.821.174 | 105.826.633 |
| | Mua hàng hóa | 111.556.108 | 212.085.386 |
| | Chi phí khác | 95.660.108 | 912.885.803 |
| | Chi phí lãi vay | - | 83.237.302 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Lãi cho vay | 42.723.440.719 | 25.946.334.244 |
| | Phí lưu trú | 32.921.250.125 | 52.775.076.864 |
| | Bán hàng hóa | 12.171.853.260 | 12.919.240.236 |
| | Dịch vụ tư vấn | 8.750.000.000 | 4.500.000.000 |
| | Dịch vụ khác | 755.195.720 | 641.889.800 |
| | Mua dịch vụ | 256.705.126 | - |
| | Doanh thu thanh lý tài sản | 12.688.664 | - |
| | Chi phí khác | 52.030.119 | 276.187.182 |
| | Dịch vụ lưu trú | 9.384.477 | 32.925.507 |
| | Mua hàng hóa | - | 851.857 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Lãi cho vay | 10.658.452.775 | 9.050.498.356 |
| | Mua dịch vụ | 8.064.474.564 | 10.344.376.293 |
| | Doanh thu hợp tác kinh doanh | 4.026.028.168 | 3.328.912.545 |
| | Bán hàng hóa | 3.228.669.258 | 3.571.381.168 |
| | Cung cấp dịch vụ | 82.260.889 | - |
| | Chi phí khác | 2.602.580 | 93.589.130 |
| | Dịch vụ tư vấn | - | 2.500.000.000 |
| | Dịch vụ khác | - | 69.880.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Dịch vụ tư vấn | 5.500.000.000 | - |
| | Lãi vay | 4.639.619.178 | - |
| | Bán hàng hóa | 1.470.905.874 | - |
| | Phí lưu trú | 910.540.313 | - |
| | Mua dịch vụ | 906.246.145 | - |
| | Chi phí khác | 389.280.681 | - |
| | Dịch vụ khác | 123.964.596 | - |
| | Dịch vụ lưu trú | 20.450.216 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Mua dịch vụ | 12.730.326.566 | 13.901.041.645 |
| | Bán hàng hóa | 12.388.813.920 | 9.748.053.897 |
| | Lãi cho vay | 597.072.877 | 212.277.534 |
| | Cung cấp dịch vụ | 113.768.000 | - |
| | Chi phí khác | 13.464.243 | - |
| | Dịch vụ tư vấn | - | 2.700.000.000 |
| | Dịch vụ khác | - | 130.244.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Năm nay</i> | <i>VND</i> |
|---|-----------------------------------|----------------|------------------|
| | | | <i>Năm trước</i> |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Phí lưu trú | 12.081.782.300 | - |
| | Lãi cho vay | 4.705.472.793 | 517.946.924 |
| | Mua dịch vụ | 136.397.273 | 14.477.091.141 |
| | Dịch vụ khác | 74.930.000 | 72.610.000 |
| | Chi phí khác | 3.830.556 | 25.166.667 |
| | Bán hàng hóa | 1.435.800 | 90.101.887 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Dịch vụ tư vấn | 10.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| | Mua dịch vụ | 8.545.434.558 | 12.150.218.254 |
| | Dịch vụ khác | 222.339.600 | 224.187.911 |
| | Lãi cho vay | 141.304.110 | 814.201.641 |
| | Bán hàng hóa | 56.666.500 | 138.884.635 |
| | Dịch vụ lưu trú | 14.671.717 | - |
| Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC | Dịch vụ khác | 32.669.599.424 | 19.676.789 |
| | Mua dịch vụ | 1.111.829.982 | - |
| | Dịch vụ tư vấn | 350.000.000 | 300.000.000 |
| | Dịch vụ lưu trú | 247.900.421 | 461.746.172 |
| | Bán hàng hóa | 178.750 | 5.220.631 |
| | Cung cấp dịch vụ | - | 55.998.966.363 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC Huế | Chi phí khác | - | 4.847.086.565 |
| | Dịch vụ tư vấn | 8.000.000.000 | 3.500.000.000 |
| | Phí lưu trú | 2.441.256.068 | 351.965.543 |
| | Dịch vụ khác | 95.306.000 | 81.314.000 |
| | Mua dịch vụ | 38.537.037 | - |
| | Chi phí khác | 1.454.545 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Bán hàng hóa | 893.750 | 3.712.000 |
| | Mua dịch vụ | 6.265.673.502 | 3.614.310.323 |
| | Dịch vụ khác | 2.169.790.743 | - |
| | Dịch vụ lưu trú | 352.306.080 | 163.296.298 |
| | Chi phí lãi vay | 215.361.643 | 2.304.356.162 |
| | Thu nhập thanh lý tài sản cố định | - | 2.000.000 |
| Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình | Chi phí được chia từ BCC | 924.000.000 | 924.000.000 |
| Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân | Lãi cho vay | 776.904.114 | - |
| | Dịch vụ khác | 181.000.000 | - |
| Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan | Dịch vụ khác | 187.537.787 | 1.782.000 |
| | Thu nhập thanh lý tài sản cố định | 6.000.000 | - |
| | Bán hàng hóa | 1.683.747 | 2.062.563 |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Dịch vụ lưu trú | 51.887.991 | 41.879.208 |
| | Cung cấp dịch vụ | 30.746.523 | - |
| | Dịch vụ khác | 1.666.666 | - |
| | Bán hàng hóa | - | 2.379.000 |
| | Lãi cho vay | - | 1.712.329 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor | Cung cấp dịch vụ | 21.432.000 | - |
| | Dịch vụ khác | - | 29.308.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>VND</i> | |
|---|------------------------------------|----------------|----------------------------|
| | | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng | Chi phí lãi vay Dịch vụ lưu trú | - | 1.241.306.848 4.412.458 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | Dịch vụ lưu trú | - | 93.397.291 |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>VND</i> | |
|---|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Cung cấp dịch vụ | 3.909.072.848 | 3.931.864.203 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Cung cấp dịch vụ | 3.240.226.863 | 2.904.757.984 |
| Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC | Cung cấp dịch vụ | 2.736.977.800 | 6.234.294.540 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | | 2.510.481.246 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cung cấp dịch vụ | 2.380.200.000 | 4.200.000 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC Huế | Cung cấp dịch vụ | 1.890.000.000 | 3.829.185.400 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Cung cấp dịch vụ | 1.830.483.035 | 8.742.591.604 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Cung cấp dịch vụ | 1.508.854.882 | 4.871.621.800 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Cung cấp dịch vụ | 1.472.845.018 | 2.566.308.221 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Cung cấp dịch vụ | 338.271.608 | 253.669.228 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa | Cung cấp dịch vụ | 80.358.757 | 55.998.757 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor | Cung cấp dịch vụ | 44.908.600 | 21.333.400 |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Cung cấp dịch vụ | 39.760.000 | - |
| Công ty TNHH Chăm sóc Sức Khỏe Ngọc Lan | Cung cấp dịch vụ | - | 4.187.768 |
| TỔNG CỘNG | | <u>21.982.440.657</u> | <u>33.420.012.905</u> |
| <i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i> | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Cung cấp dịch vụ | - | <u>2.916.000.000</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| VND | | | |
|--|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | | |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Mua dịch vụ | 24.600.095.363 | 1.684.274.986 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Mua dịch vụ | 8.668.306.405 | 68.806.000 |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Mua dịch vụ | 6.092.989.383 | 10.398.662.280 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Mua dịch vụ | 3.664.115.833 | 5.300.000.000 |
| Công ty Cổ phần Núi Tà Cú | Mua dịch vụ | 3.570.946.628 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Mua dịch vụ | 3.014.024.868 | 284.127.850 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC Huế | Mua dịch vụ | - | 177.805.000 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Nam | Mua dịch vụ | - | 1.100.000 |
| TỔNG CỘNG | | <u>49.610.478.480</u> | <u>17.914.776.116</u> |
| Trả trước cho người bán dài hạn | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Cung cấp dịch vụ | - | 4.620.893.356 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn (*) | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Cho vay | 55.930.000.000 | 37.820.000.000 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Cho vay | 30.567.500.000 | 34.937.500.000 |
| Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân | Cho vay | 7.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Cho vay | 50.000.000 | 10.200.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Cho vay | - | 5.900.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | <u>93.547.500.000</u> | <u>88.857.500.000</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày như sau:

| Bên đi vay | Số cuối năm VND | Ngày đáo hạn | Lãi suất %/năm |
|---|------------------------------|--|---------------------|
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | 55.930.000.000 | Từ ngày 10 tháng 1 năm 2024 đến ngày 28 tháng 12 năm 2024 | Từ 10,8 đến 12,0 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | 30.567.500.000 | Từ ngày 2 tháng 7 năm 2024 đến ngày 21 tháng 12 năm 2024 | Từ 12,0 đến 13,0 |
| Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân | 7.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 11,0 |
| Công ty TNHH Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | 50.000.000 | Ngày 20 tháng 12 năm 2024 | 12,0 |
| TỔNG CỘNG | <u>93.547.500.000</u> | | |

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu về cho vay dài hạn (**) | | | |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Cho vay | 206.054.706.846 | 258.200.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Cho vay | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Cho vay | 41.655.000.000 | 34.400.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Cho vay | - | 13.500.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | <u>289.709.706.846</u> | <u>348.100.000.000</u> |

(**) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày như sau:

| Bên đi vay | Số cuối năm VND | Ngày đáo hạn | Lãi suất %/năm |
|--|-------------------------------|---|---------------------|
| Công ty TNHH Du lịch TTC | 206.054.706.846 | Từ ngày 9 tháng 1 năm 2025 đến ngày 28 tháng 12 năm 2025 | Từ 12,0 đến 15,6 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | 42.000.000.000 | Ngày 9 tháng 1 năm 2025 | 15,06 |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | 41.655.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 12,0 |
| TỔNG CỘNG | <u>289.709.706.846</u> | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | VND | |
|--|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải thu ngắn hạn khác | | | |
| Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân | Đặt cọc | 57.500.500.000 | - |
| | Lãi cho vay | 900.465.759 | - |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Lãi cho vay | - | 18.846.334.244 |
| | Chi hộ | 2.083.183.754 | 18.661.459.762 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Doanh thu hợp tác kinh doanh | 9.952.554.519 | 5.523.923.534 |
| | Lãi cho vay | 5.477.458.141 | 1.593.206.835 |
| | Chi hộ | 1.835.405.500 | 166.018.000 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Lãi cho vay | 6.783.108.207 | 2.077.635.414 |
| | Chi hộ | 639.497.000 | 667.406.551 |
| Công ty Cổ Phần Thành Thành Nam | Cổ tức được chia | - | 5.600.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Chi hộ | 2.653.732.945 | 147.669.640 |
| | Lãi cho vay | - | 55.616.439 |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Chi hộ | 2.165.458.126 | 7.931.963.800 |
| | Lãi cho vay | 628.680.270 | 441.638.355 |
| | Cổ tức được chia | - | 7.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Chi hộ | 334.689.709 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Lãi cho vay | 74.442.472 | 298.744.102 |
| Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC | Chi hộ | 60.480.000 | - |
| Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt | Chi hộ | 4.845.400 | 2.554.200 |
| TỔNG CỘNG | | 91.094.501.802 | 69.514.170.876 |
| Phải thu dài hạn khác | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Góp vốn Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh | 34.750.000.000 | - |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Lãi cho vay | 23.472.190.036 | - |
| TỔNG CỘNG | | 58.222.190.036 | - |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Mua dịch vụ | 2.178.012.962 | 5.514.016.189 |
| Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC | Mua dịch vụ | 1.407.420.235 | 4.097.135.800 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Mua dịch vụ | 1.206.698.290 | 109.889.410 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Mua dịch vụ | 1.186.306.326 | - |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Mua dịch vụ | 657.192.552 | 2.887.751.489 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC Huế | Mua dịch vụ | 302.119.000 | 420.205.000 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Mua dịch vụ | 242.957.000 | 670.012.500 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Mua dịch vụ | 191.650.632 | 4.515.184.170 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Mua dịch vụ | 30.586.000 | 364.881.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Mua dịch vụ | 85.317.300 | 420.348.393 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Nam | Mua dịch vụ | - | 1.311.272.928 |
| TỔNG CỘNG | | 7.488.260.297 | 20.310.696.879 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| VND | | | |
|--|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | | |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Cung cấp dịch vụ | 22.186.489.523 | 28.170.527.569 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Cung cấp dịch vụ | 8.301.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | Cung cấp dịch vụ | 7.433.000.000 | 10.833.000.000 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC Huế | Cung cấp dịch vụ | 3.150.000.000 | 5.700.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Cung cấp dịch vụ | 603.794.000 | 3.794.000 |
| TỔNG CỘNG | | <u>41.674.283.523</u> | <u>44.707.321.569</u> |
| Phải trả ngắn hạn khác | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Lãi vay | 10.022.208.231 | - |
| | Thu chi hộ | 615.991.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Lãi vay | 2.515.772.601 | 2.304.356.163 |
| Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC | Đặt cọc | 1.400.000.000 | 4.000.000.000 |
| | Khác | 21.514.876 | 21.514.876 |
| Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình | Chi phí được chia từ BCC | 622.300.000 | 254.100.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Thu chi hộ | 158.745.000 | - |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Thu chi hộ | 84.854.000 | 1.570.000 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Thu chi hộ | 64.732.000 | 2.150.000 |
| Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Thu chi hộ | 43.200.000 | 37.980.000 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC Huế | Thu chi hộ | 6.000.000 | 15.380.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Lãi vay | 1.553.425 | 1.553.425 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Thu chi hộ | 144.000 | - |
| Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng | Lãi vay | - | 1.988.547.943 |
| TỔNG CỘNG | | <u>15.557.015.133</u> | <u>8.627.152.407</u> |
| Phải trả dài hạn khác | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác | 46.350.000.000 | - |
| Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt | Nhận bàn giao tài sản | 11.690.384.304 | 11.690.384.304 |
| | Chi hộ | 229.020.412 | 229.020.412 |
| TỔNG CỘNG | | <u>58.269.404.716</u> | <u>11.919.404.716</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | VND | |
|---|--------------------|-----------------------|------------|----------|
| | | | Số đầu năm | |
| Vay dài hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Vay | 35.800.000.000 | | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Vay | 1.640.000.000 | | - |
| TỔNG CỘNG | | 37.440.000.000 | | - |

Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và UBKT trực thuộc HĐQT:

| Họ và tên | Chức vụ | Thu nhập (*) | |
|-------------------------|--|----------------------|----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Bà Phan Thị Hồng Vân | Chủ tịch HĐQT | 1.777.480.000 | 1.773.325.000 |
| Bà Châu Thị Kim Phước | Tổng Giám đốc từ ngày 28 tháng 7 năm 2023 | 2.029.341.046 | - |
| Ông Đặng Đình Việt | Tổng Giám đốc đến ngày 6 tháng 2 năm 2023 | 307.486.567 | 2.123.086.800 |
| Bà Hồ Thị Phương Thảo | Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT | 192.000.000 | 192.000.000 |
| Ông Vũ Viết Bản | Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT | 192.000.000 | 192.000.000 |
| Bà Nguyễn Thùy Vân | Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT | 192.000.000 | 128.000.000 |
| Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT đến ngày 21 tháng 8 năm 2023 | 128.000.000 | 192.000.000 |
| Ông Nguyễn Lê Hùng | Thành viên HĐQT | 64.000.000 | - |
| Ông Hoàng Mạnh Tiến | Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2022 | - | 64.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | 4.882.307.613 | 4.664.411.800 |

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | VND | |
|------------------|----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Dưới 1 năm | 739.401.600 | 3.426.519.360 |
| Từ 1 – 5 năm | 1.829.273.067 | 3.899.509.456 |
| Trên 5 năm | 3.415.339.200 | 3.485.040.000 |
| TỔNG CỘNG | 5.984.013.867 | 10.811.068.816 |

33. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------|-------------|------------|
| Ngoại tệ | | |
| - USD | 1.944,64 | 1.650,98 |

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

| | | |
|---|---|--|
|  <hr/> Nguyễn Thị Lan Phương Người lập |  <hr/> Bùi Tấn Khải Kế toán trưởng |  <hr/> Châu Thị Kim Phước Tổng Giám đốc |
|---|---|--|



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024